

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp
về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1002/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1993. (có mặt)

Thường trú: Ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ (tạm trú): Khu vực 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phước G, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Long An,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 16 tháng 9 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Phước G chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Chị và anh G đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phước G.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh G có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/10/2015 và Nguyễn Phước A, sinh ngày 29/9/2016. Từ khi ly thân đến nay, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, đến tháng 8/2019 thì anh G mang cháu Quỳnh A về bên nội chơi cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phước G trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/10/2015 và Nguyễn Phước A, sinh ngày 29/9/2016, hiện nay cháu Quỳnh A đang sống cùng với anh, cháu Phước A đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/10/2015, anh đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 29/9/2016, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phước A mỗi tháng từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mộng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phước G, anh G hiện thường trú tại ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2015 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị N và anh G phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn. Anh G đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị N và anh G đều trình bày tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh G là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Chị N và anh G thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/10/2015 và Nguyễn Phước A, sinh ngày 29/9/2016. Con chung Nguyễn Thị Quỳnh A hiện nay đang sống với anh G; con chung Nguyễn Phước A hiện nay đang sống với chị N.

[4.1]. Xét con chung Nguyễn Thị Quỳnh A: Chị N và anh G đều có yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Thị Quỳnh A. Tuy nhiên, hiện nay Nguyễn Thị Quỳnh A đang sống với anh G, anh G vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, cháu Quỳnh A được đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh A cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2]. Xét con chung Nguyễn Phước A: Chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước A, anh G đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G không có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh A và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phước A với mức cấp dưỡng mỗi tháng từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi con chung trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng mỗi tháng.

[6]. Về tài sản chung: Chị N và anh G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị N và anh G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng N đối với anh Nguyễn Phước G về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N được ly hôn đối với anh Nguyễn Phước G.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Mộng N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 29/9/2016. Anh Nguyễn Phước G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phước A mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Phước G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/10/2015. Chị Nguyễn Thị Mộng N không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh G không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003651 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Anh Nguyễn Phước G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung Ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hải An